

## Phụ lục VI

### CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VKC HOLDINGS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/CV/CBTT/VCOM-24

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2024

### CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

#### 1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

- Mã chứng khoán: **VKC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 854 Quốc lộ 1K, KP Châu Thới, P.Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (84-2743 751 501) Fax: (84-2743 751 699)



#### 2. Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin theo yêu cầu của Thông tư 155/2015/TT-BTC liên quan đến BCTC, cụ thể như sau:

- Công bố BCTC Năm 2023 của Công ty Cổ Phần VKC Holdings được lập ngày 29/03/2024 bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
- Công bố giải trình nguyên nhân xảy ra kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ BCTC Năm 2023 có sự chênh lệch từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước và lỗ lũy kế 2 năm liên tiếp:

**↓ D) Giải trình nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kinh doanh trong kỳ BCTC Năm 2023 có sự chênh lệch từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước và lỗ lũy kế 2 năm liên tiếp.**

DVT : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/ (giảm)
Lãi/lỗ sau thuế TNDN	(88,418) tỷ	(239,556) tỷ	(151,138) tỷ	- 63%

- Trong năm 2023 chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và chi phí khác giảm rất mạnh so với cùng kỳ năm trước là do BLĐ công ty đã cơ cấu lại toàn bộ bộ máy nhân sự nhằm tiết giảm tối đa chi phí.

- Trong năm 2022 Chúng tôi trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi với số tiền là 68 tỷ, khoản hàng tồn kho thiếu không rõ nguyên nhân là 104 tỷ, năm 2023 chúng tôi trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi với số tiền là: 24,7 tỷ. Do đó dẫn đến sự chênh lệch đáng kể giữa năm 2022 và năm 2023.

- Với tình hình khó khăn chung của nền kinh tế hiện nay nên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng sụt giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước.

## II) Giải trình nội dung kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến:

Trong báo cáo kiểm toán năm 2023 đơn vị kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Đơn vị kiểm toán không nhận được xác nhận công nợ bằng hình thức phúc đáp trực tiếp từ các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Công ty chưa xác định được phần giá trị dự kiến tổn thất hàng tồn kho do các khoản suy giảm trong giá trị. (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309 thửa số 4701 tờ bản đồ số 5 (2AB.9) đã hết hạn sử dụng. Công ty đang tiến hành gia hạn nhưng đến nay chưa có kết quả.

- Công ty đang bị ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện về việc chậm thanh toán tiền nợ gốc. Vụ việc này đang được toàn án Nhân dân TP Dĩ An đưa ra xét xử.

- Nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục khi các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là: 186.965.388.054 đ.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn <https://vkcholdings.vn/quan-he-co-dong.htm>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

*Tài liệu đính kèm*  
**Báo cáo tài chính Năm 2023**

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật



**NGUYỄN VĂN THÁI**



**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần VKC Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. BCTC Năm 2023**

- BCTC Năm 2023 theo quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước,

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có

Không

**2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản** (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có).

- Nội dung giao dịch: Không có



- Đối tác giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không có
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**NGUYỄN VĂN THÁI**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	09 - 10
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 – 44

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty CP VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VKC Holdings; tên viết tắt là: VKC HOLDINGS) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 26 ngày 28/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật thành ông Nguyễn Văn Thái.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VKC.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **▪ Trụ sở chính**

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : +84 (274) 3751 501

Fax : +84 (274) 3751 699

Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

#### **▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện**

##### **Tên chi nhánh, văn phòng đại diện**

##### **Địa chỉ**

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| - Chi nhánh Vĩnh Long | Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. |
| - Chi nhánh quận 8    | Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM   |
| - Chi nhánh Tp. HCM   | 576 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM   |
| - Chi nhánh Đà Nẵng   | Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.  |
| - Chi nhánh Phú Yên   | Số 81 Nguyễn Tất Thành, P. 2, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.                               |

### **3. Ngành nghề hoạt động**

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tét bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại).

**4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Sinh	Chủ tịch	21/07/2022	25/08/2023
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch	25/08/2023	-
Bà Vũ thị Thu Hương	Phó chủ tịch	21/07/2022	14/11/2023
Ông Nguyễn Văn Thái	Thành viên	21/07/2022	-
Ông Lê Minh Chi	Thành viên	21/07/2022	-
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên	21/07/2022	-

**4.2 Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Xuân Long	Trưởng ban	21/07/2022	14/11/2023
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng ban	25/08/2023	-
Ông Phạm Công Tình	Thành viên	18/08/2023	-
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên	18/08/2023	-
Bà Đinh Thị Hoàn	Thành viên	21/07/2022	01/06/2023
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	21/07/2022	10/03/2023

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thái	Tổng Giám đốc	27/07/2022	
Ông Nguyễn Trung Trực	Phó Tổng Giám đốc	21/07/2022	22/01/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5 Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thái	Tổng Giám đốc	27/07/2022	

**6 Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 44.

**7 Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**8 Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

*Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương*

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

---

**9 Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN VĂN THÁI**

**Tổng Giám đốc**

Số: 2240/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 (từ trang 09 đến trang 44), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận bằng hình thức phúc đáp trực tiếp cho chúng tôi về số dư tại ngày 31/12/2023 và mối liên quan với Công ty, đối với khoản mục được liệt kê theo bảng kê bên dưới đây, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không xác định được tính đúng đắn số dư của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, cũng như chúng tôi không xác định được đầy đủ mối liên quan giữa Công ty với các đối tượng của các khoản mục này có phải là bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 hay không.

Khoản mục	Mục thuyết minh	Số dư tại 31/12/2023 (đồng)
Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	150.788.543.874
Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.532.399.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	2.590.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	165.840.104.714
Phải thu dài hạn khác	V.6b	5.684.110.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.12	36.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	7.762.410.122

- Tại Thuyết minh số V.7 – Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, tại ngày 31/12/2023, Công ty đã ước tính trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn với số tiền là (92.927.387.563) đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến số tiền ước tính trích lập dự phòng này. Đồng thời, với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Công ty đối với các số dư tại 31/12/2023 của các khoản mục phải thu được liệt kê theo bảng kê bên dưới có đầy đủ theo nguyên tắc “Thận trọng” quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 hay không.

Khoản mục	Mục thuyết minh	Số dư tại 31/12/2023 (đồng)
Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	150.788.543.874
Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.532.399.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	2.590.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	165.840.104.714
Phải thu dài hạn khác	V.6b	5.684.110.000

- Tại Thuyết minh số V.9 – Hàng tồn kho, Công ty chưa xác định phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 với số tiền là 21.197.061.820 đồng. Do đó, chúng tôi không đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập chi phí dự phòng tổn thất giá trị hàng tồn kho cuối năm này hay không.
- Tại Thuyết minh số V.11 - Tài sản cố định vô hình, giá trị quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9) đã hết hạn sử dụng (hạn sử dụng đến ngày 6/8/2023). Công ty đang thực hiện gia hạn thời hạn sử dụng, nhưng đến nay chưa có kết quả gia hạn, cũng như không có kế hoạch thanh lý đất và các tài sản trên đất, do đó chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với giá trị đất và tài sản trên đất đang thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 với giá trị còn lại là 6.692.960.799 đồng.
- Tại Thuyết minh số V.12 – Đầu tư tài chính dài hạn, Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 với số tiền là 36.000.000.000 đồng. Do đó, chúng tôi không đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập chi phí dự phòng các khoản đầu tư cuối năm này hay không.
- Tại Thuyết minh số V.19 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, mô tả dòng tiền chi ra từ đợt phát hành trái phiếu đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 nhưng không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (trung ương 85%)) với số tiền là 80.800.000.000 đồng; Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 với số tiền là 34.937.668.136 đồng. Ngoài ra, trong số tiền chi ra từ đợt thu của phát hành trái phiếu, Công ty có thực hiện hiện đặt cọc 98.750.000.000 đồng để mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam, tuy nhiên theo thuyết minh V.6 – Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác, mô tả đến nay đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu nhưng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam từ các bên nhận tiền đặt cọc.

Đồng thời theo thuyết minh V.19 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, mô tả Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang sử dụng tài sản là Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu Công ty (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang), tài sản này chưa được thực hiện ký 3 bên giữa Công ty với Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang và tổ chức với tư cách là bên nhận tài sản đảm bảo.

- Theo Thuyết minh mục VII.6 – Nợ tiềm tàng, Công ty đang bị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện về việc chậm thanh toán nợ gốc vay thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 với số tiền là 66.759.164.710 đồng, vụ việc này đã được Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An ra thông báo thụ lý vụ án số 64/TB-TLVA ngày 25/10/2023. Ngày 8/3/2024, Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 12/2024/QĐXXST-KDTM về việc đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào ngày 26/03/2024. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có kết quả xét xử, do đó chúng tôi không xác định được đầy đủ các nghĩa vụ Công ty còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Theo Thuyết minh mục VII.7 - Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty là (305.278.131.698) đồng, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 186.965.388.054 đồng, Công ty có một số khoản nợ vay, trái phiếu và nợ tiền lãi vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị là 431.293.740.464 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân - Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2839-2020-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>255.873.795.983</b>	<b>285.073.332.279</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>695.183.335</b>	<b>1.648.119.276</b>
111	1. Tiền		695.183.335	1.648.119.276
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>510.000.000</b>	<b>510.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	510.000.000	510.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>234.054.927.804</b>	<b>255.068.384.083</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	150.788.543.874	149.246.427.821
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.532.399.602	7.676.816.830
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	2.590.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	165.840.104.714	166.305.466.085
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.7	(92.927.387.563)	(68.160.326.653)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.8	1.231.267.177	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.9	<b>20.613.684.844</b>	<b>27.846.828.920</b>
141	1. Hàng tồn kho		21.197.061.820	28.430.205.896
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(583.376.976)	(583.376.976)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>102.817.439.202</b>	<b>121.167.931.363</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.684.110.000</b>	<b>10.226.894.165</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	2.042.784.165
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	2.500.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.6b	5.684.110.000	5.684.110.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>57.420.132.590</b>	<b>68.325.491.166</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	49.534.816.484	59.941.524.648
222	- Nguyên giá		255.386.072.238	278.554.618.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(205.851.255.754)	(218.613.093.372)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	7.885.316.106	8.383.966.518
228	- Nguyên giá		11.724.155.677	11.724.155.677
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.838.839.571)	(3.340.189.159)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.12	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		36.000.000.000	36.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.713.196.612</b>	<b>6.615.546.032</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	3.713.196.612	6.615.546.032
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>358.691.235.185</b>	<b>406.241.263.642</b>


**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>442.839.184.037</b>	<b>401.970.889.673</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>442.839.184.037</b>	<b>401.004.564.673</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	7.762.410.122	6.857.164.458
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	29.145.091	26.926.880
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	908.284.768	2.492.790.500
314	4. Phải trả người lao động		6.711.350	1.105.434.031
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	66.357.996.495	22.185.711.649
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.815.604.891	1.578.023.883
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	365.958.512.959	366.749.994.911
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	518.361	8.518.361
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>966.325.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	-	966.325.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(84.147.948.852)</b>	<b>4.270.373.969</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>(84.147.948.852)</b>	<b>4.270.373.969</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(3.811.929.315)	(3.811.929.315)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.557.992.161	13.557.992.161
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(305.278.131.698)	(216.859.808.877)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(216.859.808.877)	22.696.775.070
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>358.691.235.185</b>	<b>406.241.263.642</b>

Người lập  
  
**VÕ XUÂN AN**

Kế toán trưởng  
  
**TRỊNH NGỌC THANH LIÊM**

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024  
 Tổng Giám đốc  
  
**NGUYỄN VĂN THÁI**




**KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.966.045.220	264.392.568.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	1.450.197.952
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	29.966.045.220	262.942.370.167
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	36.361.630.312	259.014.178.097
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(6.395.585.092)	3.928.192.070
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	302.614.827	2.373.393.697
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	44.230.192.259	41.774.206.528
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		44.219.351.144	37.028.199.771
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	5.093.426.141	10.092.232.784
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	34.175.531.313	91.452.943.860
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(89.592.119.978)	(137.017.797.405)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.487.252.517	11.285.220.935
32	12. Chi phí khác	VI.8	313.455.360	113.824.007.477
40	13. Lợi nhuận khác		1.173.797.157	(102.538.786.542)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(4.586)	(12.426)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(4.586)	(12.426)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

  
VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng

  
TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Tổng Giám đốc

  
NGUYỄN VĂN THÁI

10103411



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.16	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		78.584.653.344	122.791.576.609
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10;11	9.674.091.399	11.961.503.338
03	- Các khoản dự phòng		24.767.060.910	68.714.535.795
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(75.850.109)	5.087.337.705
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	44.219.351.144	37.028.199.771
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.833.669.477)	(116.765.007.338)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.110.446.711	(59.520.395.357)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.233.144.076	131.672.975.200
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.585.249.828)	(23.250.463.786)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.902.349.420	6.631.632.924
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(15.672.093.473)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(368.712.312)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.20	(8.000.000)	(35.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		819.020.902	(77.307.964.142)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(2.518.814.288)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	3.745.454.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.000.000)	21.496.386.108
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	61.610.376.261
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	75.850.109	2.080.539.028
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.149.891)	86.413.941.655
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	308.120.245.499
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(1.757.806.952)	(341.598.495.121)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.757.806.952)	(33.478.249.622)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(952.935.941)	(24.372.272.109)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.648.119.276	26.020.391.385
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	695.183.335	1.648.119.276

Người lập



VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng



TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THÁI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Quy mô doanh thu năm nay giảm 89,85% so với năm trước, dưới điểm hòa vốn, dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế trên kết quả kinh doanh năm nay âm (88.418.322.821) đồng. Công ty chưa có các kế hoạch kinh doanh cụ thể để gia tăng quy mô doanh thu trong thời gian tới.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
2. Chi nhánh Tp.HCM	576 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
5. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, P. 2, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 42 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, ...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng hóa (vỏ xe), bán thành phẩm (cáp viễn thông)**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

**17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính

theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	227.144.624	64.063.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	468.038.711	1.584.055.876
<b>Cộng</b>	<b><u>695.183.335</u></b>	<b><u>1.648.119.276</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền tiết kiệm tại các ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó, giá trị tiền tiết kiệm cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 510.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b><i>150.788.543.874</i></b>	<b><i>149.246.427.821</i></b>
- Nguyễn Thị Loan	25.330.876.560	25.330.876.560
- Trần Thị Hương Anh	16.243.997.518	16.243.997.518
- Các khách hàng khác	<u>109.213.669.796</u>	<u>107.671.553.743</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>150.788.543.874</u></b>	<b><u>149.246.427.821</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong đó, giá trị Nợ phải thu khách hàng cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 10.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	6.532.399.602	7.676.816.830
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	4.169.533.115	4.169.533.115
- Trả trước cho các người bán khác	2.362.866.487	3.507.283.715
<b>Cộng</b>	<b>6.532.399.602</b>	<b>7.676.816.830</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	-	-
<i>Cho các bên khác vay</i>	2.590.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên <sup>(1)</sup>	2.500.000.000	-
- Công ty TNHH DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp <sup>(2)</sup>	90.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.590.000.000</b>	-

<sup>(1)</sup> Là khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi. Cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 1810/VK-TK/2020 ngày 18/10/2020. Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất: 6%/năm. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

<sup>(2)</sup> Là khoản cho vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2023. Số tiền cho vay: 90.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 17/02/2023 đến ngày 17/06/2023. Lãi suất: 6%/năm. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

**6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	165.840.104.714	-	166.305.466.085	-
- Tạm ứng cho nhân viên	138.255.432	-	420.702.319	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	441.888.834	-	625.265.415	-
- Đặt cọc mua cổ phần <sup>(*)</sup>	98.750.000.000	-	98.750.000.000	-
- Chi tiền góp vốn <sup>(*)</sup>	66.200.000.000	-	66.200.000.000	-
- Phải thu khác	309.960.448	-	309.498.351	-
<b>Cộng</b>	<b>165.840.104.714</b>	-	<b>166.305.466.085</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(\*) Là khoản tiền Công ty chi góp vốn vào Công ty TNHH Toccoo (66.200.000.000 đồng); và chi tiền đặt cọc cho Công ty CP Louis Land (84.150.000.000 đồng) và đặt cọc cho bà Trần Thị Thu Phương (14.600.000.000 đồng) để thực hiện mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (theo mục đích phát hành trái phiếu tại Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ số 01/PAPHTP/VKC ngày 02/12/2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/DHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021). Đến nay, đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu nhưng các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.684.110.000</i>	-	<i>5.684.110.000</i>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	5.684.110.000	-	5.684.110.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.684.110.000</b>	-	<b>5.684.110.000</b>	-

(\*) Là khoản tiền đặt cọc cho Trần Văn Tôn để nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của sổ đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trach, huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(68.160.326.653)	(29.167.834)
Trích lập dự phòng bổ sung	(24.767.060.910)	(68.131.158.819)
<b>Số cuối năm</b>	<b>(92.927.387.563)</b>	<b>(68.160.326.653)</b>

**8. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thiếu chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý từ kết quả kiểm kê cuối năm.

**9. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	406.833.333	-
- Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	9.823.605.151	9.027.759	10.440.329.833	9.027.759
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	602.545.804	-	1.528.801.728	-
- Thành phẩm <sup>(2)</sup>	6.330.062.059	458.260.323	9.511.342.213	458.260.323
- Hàng hóa <sup>(3)</sup>	4.438.179.992	116.088.894	6.542.898.790	116.088.894
<b>Cộng</b>	<b>21.197.061.820</b>	<b>583.376.976</b>	<b>28.430.205.896</b>	<b>583.376.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong đó, giá trị Hàng tồn kho cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 20.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

<sup>(1)</sup> Nguyên liệu, vật liệu cuối năm chủ yếu là sợi quang, dây thép dùng để sản xuất cáp đồng, cáp mạng lan.

<sup>(2)</sup> Thành phẩm cuối năm chủ yếu là cáp đồng, cáp mạng lan.

<sup>(3)</sup> Hàng hoá cuối năm chủ yếu là vỏ xe.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Số đầu năm	67.873.614.746	180.086.538.222	6.234.928.052	3.415.000.653	20.944.536.347	278.554.618.020
- Giảm do thanh lý	-	-	(543.400.515)	-	-	(543.400.515)
- Giảm do kiểm kê phát hiện thiếu	-	(20.933.700.696)	(1.691.444.571)	-	-	(22.625.145.267)
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.873.614.746</b>	<b>159.152.837.526</b>	<b>4.000.082.966</b>	<b>3.415.000.653</b>	<b>20.944.536.347</b>	<b>255.386.072.238</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Số đầu năm	23.843.176.366	166.056.653.948	5.143.034.118	3.271.170.692	20.299.058.248	218.613.093.372
- Khấu hao trong năm	3.793.470.036	5.059.921.347	187.181.820	27.288.096	107.579.688	9.175.440.987
- Giảm do thanh lý	-	-	(543.400.515)	-	-	(543.400.515)
- Giảm do kiểm kê phát hiện thiếu	-	(19.702.433.519)	(1.691.444.571)	-	-	(21.393.878.090)
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.636.646.402</b>	<b>151.414.141.776</b>	<b>3.095.370.852</b>	<b>3.298.458.788</b>	<b>20.406.637.936</b>	<b>205.851.255.754</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	44.030.438.380	14.029.884.274	1.091.893.934	143.829.961	645.478.099	59.941.524.648
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.236.968.344</b>	<b>7.738.695.750</b>	<b>904.712.114</b>	<b>116.541.865</b>	<b>537.898.411</b>	<b>49.534.816.484</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 162.945.561.508 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ không sử dụng: 54.155.287.473 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 0 đồng (không có tài sản cố định dùng để thế chấp).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
- Số đầu năm	10.148.977.077	1.575.178.600	11.724.155.677
- Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.148.977.077</b>	<b>1.575.178.600</b>	<b>11.724.155.677</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
- Số đầu năm	2.717.623.184	622.565.975	3.340.189.159
- Khấu hao trong năm	327.231.008	171.419.404	498.650.412
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.044.854.192</b>	<b>793.985.379</b>	<b>3.838.839.571</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.431.353.893	952.612.625	8.383.966.518
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.104.122.885</b>	<b>781.193.221</b>	<b>7.885.316.106</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.764.126.278 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 904.122.885 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

(\*) Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối năm bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến ngày 6/8/2023.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 4 (2BA.8). Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 621653, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(1)</sup>	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng <sup>(2)</sup>	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-

<sup>(1)</sup> Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

<sup>(2)</sup> Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng (“Khang Gia Hưng”) (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cáp. Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Khang Gia Hưng là 18,00%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất	1.591.585.172	1.636.027.340
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	2.121.611.440	4.979.518.692
<b>Cộng</b>	<b>3.713.196.612</b>	<b>6.615.546.032</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.615.546.032	13.247.178.956
Phát sinh trong năm	638.427.010	3.408.408.959
Phân bổ trong năm	(3.540.776.430)	(10.040.041.883)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.713.196.612</b>	<b>6.615.546.032</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>7.762.410.122</b>	<b>6.857.164.458</b>
- Speed Arrive Tranding Co, LTD	1.781.076.228	1.781.076.228
- Công ty TNHH Tyre Pacific	808.279.725	948.279.725
- Các người bán khác	5.173.054.169	4.127.808.505
<b>Cộng</b>	<b>7.762.410.122</b>	<b>6.857.164.458</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	<b>29.145.091</b>	<b>26.926.880</b>
- Các người mua trả tiền trước khác	29.145.091	26.926.880
<b>Cộng</b>	<b>29.145.091</b>	<b>26.926.880</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	1.605.870.953	-	533.141.907	(2.094.344.111)	44.668.749	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	71.735.263	(71.735.263)	-	-
- Thuế TNDN	810.824.619	-	-	-	810.824.619	-
- Thuế TNCN	76.094.928	-	156.695.680	(179.999.208)	52.791.400	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.492.790.500</b>	<b>-</b>	<b>764.572.850</b>	<b>(2.349.078.582)</b>	<b>908.284.768</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.468.134.599	187.296.461.398
+ Chi phí không được trừ	25.468.134.599	187.296.461.398
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(62.950.188.222)	(52.260.122.549)
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo TNTT trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp truy thu của các kỳ trước	-	-
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	66.209.341.149	21.989.990.005
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	148.655.346	195.721.644
<b>Cộng</b>	<b>66.357.996.495</b>	<b>22.185.711.649</b>

Trong đó: khoản lãi vay, lãi trái phiếu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 66.209.341.149 đồng.

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả cho các bên khác</b>	<b>1.815.604.891</b>	<b>1.578.023.883</b>
- Kinh phí công đoàn	36.756.968	51.931.960
- Phải trả khác	1.778.847.923	1.526.091.923
<b>Cộng</b>	<b>1.815.604.891</b>	<b>1.578.023.883</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn***Tình hình biến động về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng	167.716.319.911	-	(1.757.806.952)	165.958.512.959
- Trái phiếu dài hạn	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>367.716.319.911</b>		<b>(1.757.806.952)</b>	<b>365.958.512.959</b>

**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	<b>165.084.399.315</b>	<b>166.749.994.911</b>
- Công ty CP Louis Rice <sup>(1)</sup>	6.568.569.865	6.568.569.865
- Công ty CP XNK Cà phê II <sup>(1)</sup>	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty TNHH DV Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp <sup>(1)</sup>	4.158.794.521	4.158.794.521
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM <sup>(2)</sup>	69.201.321.989	69.201.365.410
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(3)</sup>	66.759.164.710	67.061.664.355
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch <sup>(4)</sup>	13.377.149.274	14.240.201.804
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương <sup>(5)</sup>	2.519.398.956	3.019.398.956
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>200.874.113.644</b>	<b>200.000.000.000</b>
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả <sup>(6)</sup>	200.000.000.000	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM <sup>(7)</sup>	874.113.644	-
<b>Cộng</b>	<b>365.958.512.959</b>	<b>366.749.994.911</b>

Trong đó: nợ vay, nợ trái phiếu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 365.084.399.315 đồng.

<sup>(1)</sup> Là các khoản tiền đi vay tín chấp với lãi suất 7% - 9%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.<sup>(2)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM theo Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.101.301602.TD ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 15/07/2022. Thời hạn vay: 06 tháng đối với sản xuất cấp, 04 tháng đối với thương mại lớp xe. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ của Công ty số AL 527855 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nguyên giá tại ngày 31/12/2023 là 1.439.671.850 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 872.108.850 đồng (xem Thuyết minh V.11).<sup>(3)</sup> Là khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 036/2022/HDHM/VPB-VKC ngày 16/2/2022. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ và tài sản trên đất của Công ty số BA179285 tại Thửa 9183, Tờ bản đồ số 4 (2BA.8) tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nguyên giá tại ngày 31/12/2023 là 46.402.355 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2023 là 32.014.035 đồng (xem Thuyết minh V.11).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng cho vay số 002/2022-HĐCVHM/NHCT681-VKC ngày 11/3/2022. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 016K22 ngày 25/3/2022. Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì tín dụng: đến hết ngày 24/03/2023. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp: Khoản nợ phải thu cuối năm với trị giá 10.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.3); Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh 20.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.7).

(6) Là khoản vay bằng hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Đại lý lưu ký: Công ty CP Chứng khoán HDB.

Giá trị trái phiếu đã phát hành: 200.000.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85% vốn điều lệ).

Ngày đáo hạn: 09/06/2023.

Lãi suất: 12%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Nhà máy đá Bình Thuận bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số CH369969 tọa lạc tại xã Thăng Hải huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO) theo Hợp đồng quản lý tài sản đảm bảo số 1102/2022/HĐQLTSĐB/SEABANK-VKC/BIDICO ngày 11/02/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn.

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Tình hình thu và chi sử dụng trái phiếu đến ngày 31/12/2023 như sau:**

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Số tiền thu từ đợt phát hành trái phiếu	200.000.000.000	
Số tiền chi sử dụng từ nguồn thu phát hành trái phiếu	199.887.668.136	
<i>Trong đó:</i>		
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 và đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%)) (*)	84.150.000.000	Xem phụ lục 01 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 nhưng không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%)) (*)	80.800.000.000	Xem phụ lục 02 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường nhưng không đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021	34.937.668.136	Xem phụ lục 03 - các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin

(\*) Trong đó khoản chi tiền đặt cọc 98.750.000.000 đồng (đặt cọc cho Công ty CP Louis Land 84.150.000.000 đồng và đặt cọc cho bà Trần Thị Thu Phương 14.600.000.000 đồng) để thực hiện mua cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (theo mục đích phát hành trái phiếu tại Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ số 01/PAPHTP/VKC ngày 02/12/2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021). Đến nay, đã hết hạn thanh toán nợ gốc và lãi trái phiếu nhưng các bên chưa hoàn tất các thủ tục để Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Toccoo Việt Nam từ các bên nhận tiền đặt cọc này.

(7) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội đến hạn trả (xem tại Thuyết minh V.19b).

**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	-	966.325.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM <sup>(1)</sup>	-	874.125.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Q. 11	-	92.200.000
<b>Cộng</b>	-	<b>966.325.000</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN TP.HCM theo Hợp đồng 6667.22.101.301602.TD ngày 20/02/2022. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô. Số dư nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày tại nợ vay phải trả ngắn hạn (xem tại Thuyết minh V.19a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	8.518.361	44.418.361
- Trích lập trong năm	-	-
- Sử dụng trong năm	(8.000.000)	(35.900.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>518.361</b>	<b>8.518.361</b>

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại *Phụ lục 04*.**21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**21.3. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	721.000
- Cổ phiếu phổ thông	721.000	721.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	19.279.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.279.000	19.279.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**22. Tài khoản ngoài bảng****Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
<b>Cộng</b>	<b>5.004.879.304</b>	<b>5.004.879.304</b>

**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	4.644,95	4.477,99

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	25.812.521.636	258.473.107.300
- Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	4.153.523.584	4.469.262.867
<b>Cộng</b>	<b>29.966.045.220</b>	<b>262.942.370.167</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	33.166.715.871	254.909.200.270
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng và khác	3.194.914.441	3.521.600.851
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	-	583.376.976
<b>Cộng</b>	<b>36.361.630.312</b>	<b>259.014.178.097</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	75.850.109	2.080.539.028
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	226.764.718	292.854.669
<b>Cộng</b>	<b>302.614.827</b>	<b>2.373.393.697</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay, trái phiếu	44.219.351.144	37.028.199.771
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.893.102	247.550.735
- Chi phí tài chính khác	8.948.013	4.498.456.022
<b>Cộng</b>	<b>44.230.192.259</b>	<b>41.774.206.528</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.005.098.540	2.936.072.863
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	929.434.620	1.031.022.977
- Các chi phí khác	3.158.892.981	6.125.136.944
<b>Cộng</b>	<b>5.093.426.141</b>	<b>10.092.232.784</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.719.797.022	6.735.404.013
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.010.084	3.423.127.283
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	24.767.060.910	68.131.158.819
- Các chi phí khác	3.632.663.297	13.163.253.745
<b>Cộng</b>	<b><u>34.175.531.313</u></b>	<b><u>91.452.943.860</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chênh lệch thu – chi thanh lý TSCĐ	-	1.998.741.159
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	-	3.745.454.546
+ G/trị còn lại của TSCĐ thanh lý và chi phí thanh lý	-	(1.746.713.387)
- Giá trị hàng tồn kho thừa không xác định được nguyên nhân	-	9.201.337.485
- Thu nhập khác	1.487.252.517	85.142.291
<b>Cộng</b>	<b><u>1.487.252.517</u></b>	<b><u>11.285.220.935</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị hàng tồn kho thiếu không xác định được nguyên nhân	-	104.030.108.816
- Chi phí khác	313.455.360	9.793.898.661
<b>Cộng</b>	<b><u>313.455.360</u></b>	<b><u>113.824.007.477</u></b>

**9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	19.279.000	19.279.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b><u>(4.586)</u></b>	<b><u>(12.426)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(88.418.322.821)	(239.556.583.947)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	19.279.000	19.279.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>(4.586)</b>	<b>(12.426)</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.278.240.025	39.277.369.394
- Chi phí nhân công	8.525.789.602	14.759.475.662
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.674.091.399	11.961.503.338
- Các chi phí khác	32.572.461.421	94.198.983.420
<b>Cộng</b>	<b>57.050.582.447</b>	<b>160.197.331.814</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)**

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Lương, thưởng, thù lao</i>			
Ông Phạm Hoàng Sinh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 25/08/2023)	146.104.110	157.808.219
Bà Vũ thị Thu Hương	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 14/11/2023)	-	37.150.685
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 25/08/2023)	65.457.534	-
Ông Nguyễn Văn Thái	TV HĐQT kiểm TGD (bổ nhiệm	552.552.927	273.057.256

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Minh Chi	ngày 21/07/2022) TV HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	173.237.540	223.566.953
Ông Nguyễn Trung Trực	TV HĐQT kiêm Phó TGD (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 22/01/2024)	461.632.642	237.503.540
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 25/08/2023)	21.665.754	-
Ông Ngô Xuân Long	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 14/11/2023)	-	14.241.096
Ông Lê Văn Hiệp	TV BKS (bổ nhiệm ngày 18/08/2023)	8.942.466	-
Ông Phạm Công Tình	TV BKS (bổ nhiệm ngày 18/08/2023)	67.225.081	-
Bà Đinh Thị Hoàn	TV BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 01/06/2023)	9.994.521	15.780.822
Bà Lê Thị Thanh Thúy	TV BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022; miễn nhiệm ngày 10/3/2023)	4.471.233	15.780.822
Ông Trịnh Ngọc Thanh Liêm	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 15/11/2022)	-	44.544.269
Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	-	838.452.616
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/03/2022)	-	387.961.154
Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/04/2022)	-	291.787.462
Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2022)	-	225.903.360
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2022)	-	296.242.423
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	134.651.000
Bà Trần Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 03/10/2022)	-	14.019.769
Bà Trần Thị Mơ	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 15/11/2022)	-	15.685.462
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	90.400.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 16/02/2022)	-	88.513.600
<b>Cổ tức được nhận</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.511.283.808</b>	<b>3.403.050.508</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**3.2. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Vĩnh Khánh	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Nguyễn Văn Thái, từ ngày 21/07/2022 đến nay)

**Nội dung giao dịch:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Vĩnh Khánh	Giá trị bán hàng	-	9.460.381.746

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Bán hàng: chủ yếu là vỏ xe, cáp điện,...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.
- **Năm nay**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Bán hàng</u>	<u>Cho thuê mặt bằng</u>	<u>Cộng</u>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.812.521.636	4.153.523.584	29.966.045.220
- Giá vốn hàng bán	33.166.715.871	3.194.914.441	36.361.630.312
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>(7.354.194.235)</b>	<b>958.609.143</b>	<b>(6.395.585.092)</b>

- **Năm trước**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Bán hàng</u>	<u>Cho thuê mặt bằng</u>	<u>Cộng</u>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.473.107.300	4.469.262.867	262.942.370.167
- Giá vốn hàng bán	255.492.577.246	3.521.600.8511	259.014.178.097
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.980.530.054</b>	<b>947.662.016</b>	<b>3.928.192.070</b>

**Khu vực địa lý**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tài sản đảm bảo****Tài sản của Công ty thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19). Tổng giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2023 dùng để thế chấp là 31.414.122.885 đồng (xem tại Thuyết minh V.2, V.3, V.9, V.11).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Tài sản của bên khác đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty**

Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty bằng tài sản của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (xem tại Thuyết minh V.19).

**Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**6. Nợ tiềm tàng**

Công ty đang bị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện về việc chậm thanh toán nợ gốc vay thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 với số tiền là 66.759.164.710 đồng, vụ việc này đã được Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An ra thông báo thụ lý vụ án số 64/TB-TLVA ngày 25/10/2023. Ngày 8/3/2024, Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 12/2024/QĐXXST-KDTM về việc đưa vụ án ra xét xử tại Tòa án Nhân dân Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào ngày 26/03/2024.

**7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối là (305.278.131.698) đồng; khoản nợ ngắn hạn (442.839.184.037 đồng) lớn hơn tài sản ngắn hạn của Công ty (254.642.528.806 đồng) với số tiền là 186.965.388.054 đồng; các khoản nợ phải trả nợ vay, trái phiếu và lãi tiền vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 431.293.740.464 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

**8. Đấu giá tài sản**

Ngày 20/06/2022, Công ty có thông báo đấu giá tài sản quyền sử dụng đất số CT28163 số diện tích 2.366, m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 4701 tờ bản đồ số 5 và công trình nhà kho diện tích 1.000 m<sup>2</sup> xây dựng trên đất; quyền sử dụng đất số GCN AL 527855 diện tích 6.475,57 m<sup>2</sup>, và công trình nhà kho diện tích 5.000 m<sup>2</sup> xây dựng trên đất. Hiện nay, chưa có kết quả đấu giá này.

**9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người lập



VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng



TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 834, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Phụ lục 01**

**PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỬ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG VÀ ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

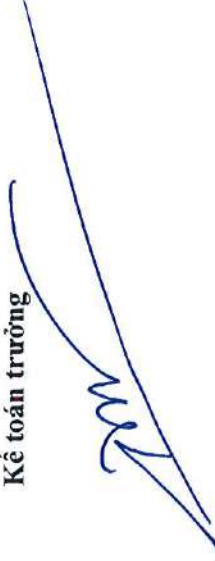
STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/007/12/21	12/6/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	15.000.000.000
2	GBNSBV/006/12/21	12/6/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	10.000.000.000
3	GBNSBV/006/12/21	12/6/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	34.000.000.000
4	GBNSBV/005/12/21	12/8/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	4.700.000.000
5	GBNHĐV/001/12/21	12/14/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	2.800.000.000
6	GBNHĐV/002/12/21	12/17/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	17.650.000.000
<b>Cộng</b>				<b>84.150.000.000</b>

Người lập



**VÕ XUÂN AN**

Kế toán trưởng



**TRINH NGỌC THANH LIÊM**

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



**NGUYỄN VĂN THÁI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Phụ lục 02****PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG NHƯNG KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

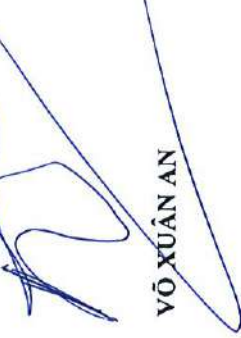
STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/004/12/21	12/8/2021	ứng trước tiền góp vốn cty con tocosto	8.000.000.000
2	GBNHVDV/003/12/21	12/22/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoo	14.600.000.000
3	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
4	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
5	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
6	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
7	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
8	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
9	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
10	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	700.000.000
11	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
12	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
13	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
14	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
15	GBNMBV/066/02/22	2/28/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
16	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
17	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
18	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
19	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
20	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
21	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
22	GBNMBV/044/02/22	2/21/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
23	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	100.000.000
24	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	260.000.000
25	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
26	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
27	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
28	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
29	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
30	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
31	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
32	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
33	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
34	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
35	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
36	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
37	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
38	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
39	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
40	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
41	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
42	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
43	GBNVPV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
44	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
45	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
46	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
47	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
48	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
49	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
50	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
51	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
52	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
53	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
54	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
55	GBNVIV/009/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
56	GBNMBV/033/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073-wibt-sml	100.000.000
57	GBNMBV/033/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073-wibt-sml	300.000.000
58	GBNMBV/033/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073-wibt-sml	300.000.000
59	GBNMBV/033/02/22	2/18/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073-wibt-sml	300.000.000
60	GBNVIV/003/01/22	1/6/2022	gop von cong ty toccoo	300.000.000
61	GBNSBV/004/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo vn	2.500.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
62	GBNMBV/004/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo - ma giao dich/ trace 392660 202201060456070263wibt-smi	200.000.000
63	GBNMBV/004/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo - ma giao dich/ trace 392660 202201060456070263wibt-smi	300.000.000
64	GBNMBV/002/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo	200.000.000
65	GBNMBV/002/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
66	GBNMBV/002/01/22	1/6/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
67	GBNSBV/001/01/22	1/5/2022	gop von vao toccoo	7.900.000.000
68	GBNHVDV/002/01/22	1/5/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
69	GBNHVDV/001/01/22	1/5/2022	gop von vao toccoo	11.100.000.000
<b>Cộng</b>				<b>80.300.000.000</b>

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập



VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng



TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Phụ lục 03****PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

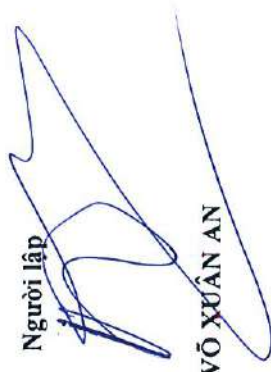
STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
3	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
4	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
5	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
6	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
7	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
8	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
9	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
10	CKN/014/12/21	12/28/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
15	CKN/006/01/22	1/7/2022	chuyen qua mb	2.600.000.000
16	CKN/007/01/22	1/7/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
23	CKN/015/01/22	1/13/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyen qua vpb	500.000.000
24	CKN/015/01/22	1/13/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyen qua vpb	500.000.000
25	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	200.000.000
26	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
27	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
28	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
29	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
30	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
31	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
32	CKN/031/01/22	1/18/2022	chuyen qua mb	300.000.000
34	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
35	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
36	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
37	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
38	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
39	CKN/032/01/22	1/25/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
40	CKN/033/01/22	1/26/2022	chuyen qua mb	300.000.000
41	CKN/033/01/22	1/26/2022	chuyen qua mb	300.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
42	CKN/033/01/22	1/26/2022	chuyen qua mb	300.000.000
43	CKN/033/01/22	1/26/2022	chuyen qua mb	300.000.000
44	CKN/033/01/22	1/26/2022	chuyen qua mb	300.000.000
45	CKN/034/01/22	1/27/2022	chuyen qua vpb	200.000.000
46	CKN/035/01/22	1/28/2022	chuyen qua mb	1.500.000.000
47	CKN/002/02/22	2/7/2022	chuyen qua vpb	200.000.000
48	CKN/001/02/22	2/7/2022	chuyen qua mbb	5.000.000.000
49	CKN/020/02/22	2/8/2022	chuyen qua mb	300.000.000
50	CKN/004/02/22	2/9/2022	chuyen qua mb	300.000.000
51	CKN/004/02/22	2/9/2022	chuyen qua mb	300.000.000
52	CKN/004/02/22	2/9/2022	chuyen qua mb	200.000.000
53	CKN/004/02/22	2/9/2022	chuyen qua mb	300.000.000
55	CKN/007/02/22	2/10/2022	chuyen qua mb	200.000.000
56	CKN/006/02/22	2/10/2022	chuyen qua mb	300.000.000
57	CKN/006/02/22	2/10/2022	chuyen qua mb	300.000.000
69	CKN/008/02/22	2/15/2022	chuyen qua vcb bd	5.600.000.000
84	CKN/038/03/22	3/4/2022	chuyen qua mb	100.000.000
59	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
60	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
61	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
62	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
63	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
64	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
65	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
66	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
67	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
68	GBNHDV/004/02/	2/14/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
71	GBNHDV/006/02/	2/15/2022	tra no vay louis rice	150.000.000
72	GBNHDV/006/02/	2/15/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
73	GBNHDV/006/02/	2/15/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
17	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tien hang	237.668.133
18	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tien hang	500.000.000
19	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tien hang	500.000.000
20	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tien hang	500.000.000
21	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tien hang	500.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
22	GBNHDV/004/01/	1/12/2022	tt tiền hàng	500.000.000
33	GBNSBV/006/01/	1/20/2022	tt theo hợp đồng 171221 vkc smt	1.900.000.000
54	GBNMBV/015/02,	2/9/2022	chuyen tien lai do khách nộp dư tiền trái phiếu	(50.000.000)
85	GBNMBV/080/03,	3/23/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trái phiếu vkc theo đề nghị ngày 24.02 của tran thi thanh binh	(399.999.997)
86	GBNMBV/080/03,	3/23/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trái phiếu vkc theo đề nghị ngày 24.02 của tran thi thanh binh	(300.000.000)
87	GBNMBV/080/03,	3/23/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trái phiếu vkc theo đề nghị ngày 24.02 của tran thi thanh binh	(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>				<b>34.937.668.136</b>

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

  
VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng

  
TRỊNH NGỌC THANH LIÊM



Tổng Giám đốc  
NGUYỄN VĂN THÁI



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 04

**PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</b>						
Tại ngày 01/01/2022	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.507.895.861	22.696.775.070	243.776.861.616
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	(239.556.583.947)	(239.556.583.947)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(239.556.583.947)	(239.556.583.947)
Tại ngày 31/12/2022	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.507.895.861	(216.859.808.877)	4.220.277.669
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</b>						
Tại ngày 01/01/2023	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(216.859.808.877)	4.270.373.969
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	(88.418.322.821)	(88.418.322.821)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(88.418.322.821)	(88.418.322.821)
Tại ngày 31/12/2023	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	(305.278.131.698)	(84.147.948.852)

Người lập

  
VÕ XUÂN AN

Kế toán trưởng

  
TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024





